

Phụ lục 1

KINH PHÍ HỖ TRỢ XÓA NHÀ TẠM, NHÀ DỘT NÁT
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH KON TUM

(Kèm theo Kế hoạch số: 4754 /KH-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh
Kon Tum)

	Đơn vị, địa phương	Tổng số hộ	Tổng kinh phí (triệu đồng)	Xây mới		Sửa chữa	
				Tổng số hộ	Kinh phí (triệu đồng)	Tổng số hộ	Kinh phí (triệu đồng)
A	B	1	2	3	4	5	6
1	Thành phố Kon Tum	108	5.220	66	3.960	42	1.260
2	Huyện Đắk Hà	91	4.834	76	4.384	15	450
3	Huyện Đắk Tô	240	12.000	215	11.272	25	728
4	Huyện Tu Mơ Rông	423	24.090	380	22.800	43	1.290
5	Huyện Ngọc Hồi	171	6.840	57	3.420	114	3.420
6	Huyện Đắk Glei	646	34.200	494	29.640	152	4.560
7	Huyện Sa Thầy	346	18.450	269	16.140	77	2.310
8	Huyện Ia H'Drai	-	-	-	-	-	-
9	Huyện Kon Rẫy	155	6.830	102	5.240	53	1.590
10	Huyện Kon Plông	572	29.076	527	27.792	45	1.284
Tổng cộng toàn tỉnh		2.752	141.540	2.186	124.648	566	16.892

Phụ lục 2

KINH PHÍ HỖ TRỢ XÓA NHÀ TAM NHÀ ĐỐT NÁT CHO HỘ NGƯỜI CÓ CÔNG
(Kèm theo Kế hoạch số: 4754 /KH-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum)

STT	Đơn vị, địa phương	Tổng số hộ	Tổng kinh phí (Triệu đồng)	Xây mới			Sửa chữa		
				Tổng số hộ	Định mức hỗ trợ (60 triệu đồng/hộ)	Kinh phí (Triệu đồng)	Tổng số hộ	Định mức hỗ trợ (30 triệu đồng/hộ)	Kinh phí (Triệu đồng)
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8
1	Thành phố Kon Tum	9	360	3	60	180	6	30	180
2	Huyện Đắk Hà	10	450	5	60	300	5	30	150
3	Huyện Đắk Tô	13	450	2	60	120	11	30	330
4	Huyện Tu Mơ Rông	9	510	8	60	480	1	30	30
5	Huyện Ngọc Hồi	11	420	3	60	180	8	30	240
6	Huyện Đắk Glei	23	1.230	18	60	1.080	5	30	150
7	Huyện Sa Thầy	19	630	2	60	120	17	30	510
8	Huyện Ia H'Drai	-	-	-	60	-	-	30	-
9	Huyện Kon Rẫy	4	180	2	60	120	2	30	60
10	Huyện Kon Plông	17	990	16	60	960	1	30	30
Tổng cộng		115	5.220	59	60	3.540	56	30	1.680

Phụ lục 3
KINH PHÍ HỖ TRỢ XÓA NHÀ TẠM, NHÀ ĐỘT NÁT CHO HỘ NGHÈO, HỘ CẬN NGHÈO
THUỘC ĐỐI TƯỢNG THỤ HƯỞNG CHÍNH SÁCH NHÀ Ở TỪ CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA
(Kèm theo Kế hoạch số: 4754 /KH-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum)

ST T	Đơn vị, địa phương	Tổng số hộ	Tổng kinh phí (triệu đồng)	HỘ NGHÈO								HỘ CẬN NGHÈO							
				Tổng số hộ	Tổng kinh phí (triệu đồng)	Xây mới			Sửa chữa			Tổng số hộ	Tổng kinh phí (triệu đồng)	Xây mới			Sửa chữa		
						Tổng số hộ	Định mức hỗ trợ (16 triệu đồng/hộ)	Kinh phí (triệu đồng)	Tổng số hộ	Định mức hỗ trợ (08 triệu đồng/hộ)	Kinh phí (triệu đồng)			Tổng số hộ	Định mức hỗ trợ (16 triệu đồng/hộ)	Kinh phí (triệu đồng)	Tổng số hộ	Định mức hỗ trợ (080 triệu đồng/hộ)	Kinh phí (triệu đồng)
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
1	Thành phố Kon Tum	-	-	-	-	-	16	-	-	8	-	-	-	-	16	-	-	8	-
2	Huyện Đắk Hà	4	64	4	64	4	16	64	-	8	-	-	-	-	16	-	-	8	-
3	Huyện Đắk Tô	38	600	26	416	26	16	416	-	8	-	12	184	11	16	176	1	8	8
4	Huyện Tu Mơ Rông	-	-	-	-	-	16	-	-	8	-	-	-	-	16	-	-	8	-
5	Huyện Ngọc Hồi	-	-	-	-	-	16	-	-	8	-	-	-	-	16	-	-	8	-
6	Huyện Đắk Glei	-	-	-	-	-	16	-	-	8	-	-	-	-	16	-	-	8	-
7	Huyện Sa Thầy	-	-	-	-	-	16	-	-	8	-	-	-	-	16	-	-	8	-
8	Huyện Ia H'Drai	-	-	-	-	-	16	-	-	8	-	-	-	-	16	-	-	8	-
9	Huyện Kon Rẫy	20	320	20	320	20	16	320	-	8	-	-	-	-	16	-	-	8	-
10	Huyện Kon Plông	90	1.416	77	1.208	74	16	1.184	3	8	24	13	208	13	16	208	-	8	-
Tổng cộng		152	2.400	127	2.008	124	16	1.984	3	8	24	25	392	24	16	384	1	8	8

Phụ lục 4

**KINH PHÍ HỖ TRỢ XÓA NHÀ TẠM, NHÀ DỘT NÁT CHO HỘ NGHÈO, HỘ CẬN NGHÈO
KHÔNG THUỘC ĐỐI TƯỢNG THỤ HƯỞNG CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA**
(Kèm theo Kế hoạch số: 4754 /KH-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum)

ST T	Đơn vị, địa phương	Tổng số hộ	Tổng kinh phí (triệu đồng)	HỘ NGHÈO								HỘ CẬN NGHÈO							
				Tổng số hộ	Tổng kinh phí (triệu đồng)	Xây mới			Sửa chữa			Tổng số hộ	Tổng kinh phí (triệu đồng)	Xây mới			Sửa chữa		
						Tổng số hộ	Định mức hỗ trợ (60 triệu đồng/hộ)	Kinh phí (triệu đồng)	Tổng số hộ	Định mức hỗ trợ (30 triệu đồng/hộ)	Kinh phí (triệu đồng)			Tổng số hộ	Định mức hỗ trợ (60 triệu đồng/hộ)	Kinh phí (triệu đồng)	Tổng số hộ	Định mức hỗ trợ (30 triệu đồng/hộ)	Kinh phí (triệu đồng)
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
1	Thành phố Kon Tum	63	2.760	27	1.230	14	60	840	13	30	390	36	1.530	15	60	900	21	30	630
2	Huyện Đắk Hà	77	4.320	48	2.610	39	60	2.340	9	30	270	29	1.710	28	60	1.680	1	30	30
3	Huyện Đắk Tô	86	4.770	60	3.270	49	60	2.940	11	30	330	26	1.500	24	60	1.440	2	30	60
4	Huyện Tu Mơ Rông	255	14.430	230	13.050	205	60	12.300	25	30	750	25	1.380	21	60	1.260	4	30	120
5	Huyện Ngọc Hồi	87	3.510	52	2.070	17	60	1.020	35	30	1.050	35	1.440	13	60	780	22	30	660
6	Huyện Đắk Glei	359	19.770	230	12.630	191	60	11.460	39	30	1.170	129	7.140	109	60	6.540	20	30	600
7	Huyện Sa Thầy	256	13.860	206	11.040	162	60	9.720	44	30	1.320	50	2.820	44	60	2.640	6	30	180
8	Huyện Ia H'Drai	-	-	-	-		60	-		30	-	-	-		60	-		30	-
9	Huyện Kon Rẫy	125	5.970	92	4.260	50	60	3.000	42	30	1.260	33	1.710	24	60	1.440	9	30	270
10	Huyện Kon Plông	254	14.550	193	11.130	178	60	10.680	15	30	450	61	3.420	53	60	3.180	8	30	240
Tổng cộng		1.562	83.940	1.138	61.290	905	60	54.300	233	30	6.990	424	22.650	331	60	19.860	93	30	2.790

Phụ lục 5
DỰ KIẾN KINH PHÍ HỖ TRỢ XÓA NHÀ TẠM, NHÀ DỘT NÁT CHO HỘ DÂN CÒN LẠI
(Kèm theo Kế hoạch số: 4754 /KH-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum)

STT	Đơn vị, địa phương	Tổng số hộ	Tổng kinh phí (triệu đồng)	Xây mới			Sửa chữa		
				Tổng số hộ	Định mức hỗ trợ (60 triệu đồng/hộ)	Kinh phí (triệu đồng)	Tổng số hộ	Định mức hỗ trợ (30 triệu đồng/hộ)	Kinh phí (triệu đồng)
<i>A</i>	<i>B</i>	<i>I</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>	<i>6</i>	<i>7</i>	<i>8</i>
1	Thành phố Kon Tum	36	2.100	34	60	2.040	2	30	60
2	Huyện Đắk Hà	-	-	-	60	-	-	30	-
3	Huyện Đắk Tô	103	6.180	103	60	6.180	-	30	-
4	Huyện Tu Mơ Rông	159	9.150	146	60	8.760	13	30	390
5	Huyện Ngọc Hồi	73	2.910	24	60	1.440	49	30	1.470
6	Huyện Đắk Glei	264	13.200	176	60	10.560	88	30	2.640
7	Huyện Sa Thầy	71	3.960	61	60	3.660	10	30	300
8	Huyện Ia H'Drai	-	-		60	-		30	-
9	Huyện Kon Rẫy	6	360	6	60	360	-	30	-
10	Huyện Kon Plông	211	12.120	193	60	11.580	18	30	540
Tổng cộng		923	49.980	743	60	44.580	180	30	5.400